TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS - ST
Ngày: 06/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Sơn
2. Bà Lương Thị Dân

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST – HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2018/QĐXXST – HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 đối với bị báo Bùi Văn T; sinh năm 1996 tại huyện N, tỉnh K, nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Bùi Văn Q và bà Xa Thị L.

Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 2 năm 2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

+ A T; sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa).

+ Y T; sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ, ngày 11/02/2018, sau khi đi làm về Bùi Văn T về nhà bố vợ là ông A T; trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Lúc này trong nhà không có ai và chưa bật điện, T bật điện cho sáng thì thấy phần mép phía sau tủ ti vi ở phòng khách có một khe hở, T quan sát thấy bên trong có 01 túi ni lông màu trắng. Vì tò mò, lúc này T dùng tay đẩy cho khe hở rộng ra, một tay kéo túi ni lông ra ngoài, T ngồi tại chỗ và mở túi ni lông ra xem, bên trong túi ni lông màu trắng có hai túi ni lông nhỏ, một túi màu vàng, một túi màu hồng được quấn buộc cẩn thận. T tiếp tục mở hai túi ni lông ra xem thì thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau và một hộp nhựa màu vàng, T lắc chiếc hộp thì thấy kêu bên trong nhưng không biết bên trong có gì, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản trên nên T gói túi ni lông chứa toàn bộ tài sản rồi mang vào phòng ngủ của vợ chồng T cất giấu. Đến khoảng 7 giờ sáng ngày 12/02/2018 T lấy toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt được và đón xe khách về thành phố K, tỉnh Kon Tum. Khi đến thành phố K thì Thắng gặp mẹ đẻ là Xa Thị L; sinh năm 1978 trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum và cùng nhau ăn cơm tại khu vực gần Bến xe thành phố K. Trưa ngày 12/02/2018 ông A T phát hiện ra việc bị mất số tài sản nêu trên và không thấy T đâu nên ông A T gọi điện cho T để hỏi về chuyện mất tài sản nhưng T phủ nhận việc lấy tài sản của ông A T. Do vậy, ông A T trình báo việc mất tài sản cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông. Còn Bùi Văn T sau khi ăn cơm xong T và mẹ đón xe về nhà tại thôn H, xã Đ, huyện N. Đến nhà bà L, T đem toàn bộ số tài sản chiếm đoạt được của ông A T ra phía sau nhà vệ sinh để cất giấu. Đêm đó, T ngủ tại nhà bà L, đến sáng ngày 13/02/2018 T đón xe lên huyện K, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên T đến Cơ quan Công an huyện K để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 13/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà bà Xa Thị L. Qua khám xét, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ được số tiền 21.094.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng), 04 nhẫn tròn kim loại màu vàng đựng trong 01 hộp nhựa màu vàng.

Ngày 30/03/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định trưng cầu giám định số 09 trưng cầu giám định 04 nhẫn tròn kim loại màu vàng đã thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định số: 236/C54C (Đ4) ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận 04 nhẫn tròn kim loại đã thu giữ được đều là vàng (Au), tổng trọng lượng 11.261 gam, đều có hàm lượng 98%.

Ngày 11/4/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định giá số 10 định giá 04 nhẫn vàng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL – HĐĐG

ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận 04 nhẫn vàng có giá trị 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 03/CT - VKS ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị can Bùi Văn T về tội ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14 tháng 02 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định và trả cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập.

Bị cáo Bùi Văn T trình bày: Đúng là khoảng 18 giờ, ngày 11/02/2018 bị cáo đi làm về nhà ông A T là bố vợ của bị cáo, lợi dụng lúc không có ai ở nhà nên bị cáo đã lén lút lấy trộm số tiền 21.094.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng) và 04 nhẫn vàng, sau đó thì bị cáo cất giấu tài sản lấy trộm được trong phòng ngủ của hai vợ chồng, đến ngày 12/02/2018 thì bị cáo mang toàn bộ số tiền và vàng đã lấy được bắt xe về Kon Tum gặp mẹ bị cáo là bà Xa Thị L, do trước đó bị cáo và mẹ đã hẹn gặp nhau, sau khi ăn cơm ở gần Bến xe Kon Tum thì bị cáo và mẹ bắt xe về nhà mẹ bị cáo tại Thôn H, xã Đ, huyện N, tại đây bị cáo đã giấu toàn bộ số tiền và vàng ở phía sau nhà vệ sinh. Đến sáng ngày 13/02/2018 bị cáo đón xe lên huyện Kon Plông, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đến Cơ quan Côn an huyện Kon Plông để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại A T trình bày: Tôi đã nhận lại toàn bộ số tiền 21.094.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng) và 04 nhẫn vàng do bị cáo T lấy trộm của tôi, mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là con rể của tôi.

Người bị hại Y T trình bày: Gia đình tôi đã nhận lại toàn bộ số tiền 21.094.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng) và 04 nhẫn vàng do bị cáo Bùi Văn T lấy trộm, mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là con rể của gia đình tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xuất phát từ lợi ích cá nhân, nên khoảng 18 giờ ngày 11/02/2018 bị cáo Bùi Văn T đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 21.094.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng) và 04 nhẫn vàng có giá trị 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) của ông A T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi trên đây của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh chính trị tại địa phương, hơn nữa bị cáo lại là con rể của người bị hại, chỉ vì sự sơ hở của chủ sở hữu mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền và vàng tổng giá trị là 31.894.000 đồng (Ba mươi mốt triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Vì vậy phải xử bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[3]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi nên đã ra đầu thú tại Cơ quan Công an, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, toàn bộ tài sản đã thu hồi lại được, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần chấp nhận lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định số tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông A T nên đã trao trả lại cho người sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã đem toàn bộ số tài sản đã chiếm đoạt được về nhà mẹ đẻ là bà Xa Thị L cất giấu, tuy nhiên bà Xa Thị L không biết việc bị cáo cất giấu số tài sản đã chiếm đoạt được tại nhà mình, nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối bà Xa Thị L về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[8]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14 tháng 02 năm 2018.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định số tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông A T nên đã trao trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKS huyện Kon Plông;
- Công an huyện huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải

Nơi nhận:
- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKS huyện Kon Plông;
- Công an huyện huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

1. A Hoàn

2. Lương Thị Dân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải